

Bản án số: 474/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2024.
V/v ly hôn giữa chị T
và anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thủy - Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982; CCCD số 036181020126; nơi cư trú: Thôn An C, xã Mỹ L, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979; CCCD số 036079005994; nơi cư trú: Thôn An C, xã Mỹ L, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ và lời khai tiếp theo tại Toà án, chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh Đức tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ L (Nay là xã Mỹ L, TPNĐ), tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là

Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh Đ thường xuyên đối xử thô bạo với vợ. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài đến năm 2020 chị đã về gia đình bên ngoại sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên đề nghị được ly hôn và không tiến hành hoà giải; con chung đang ở với bố nên chị để anh Đ tiếp tục nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con cũng như tài sản chung của vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện vì lý do công việc cá nhân, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị gửi Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, TPND, anh Nguyễn Minh Đ xác nhận quan hệ hôn nhân, con chung của vợ chồng như chị T trình bày. Anh xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý. Hiện con chung Nguyễn Minh T đang ở với anh nên anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh đề nghị Tòa án không hỏi ý kiến cháu Thành về nguyện vọng ở với ai để tránh ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Tài sản chung của vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc làm ăn, anh không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Các đương sự đều vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện cùng lời khai thể hiện quan điểm của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T; bị đơn anh Nguyễn Minh Đ đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Minh Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ L (Nay là xã Mỹ L, TPND), tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, hôn nhân bất hoà kéo dài ngày một căng thẳng nên chị T tự bỏ về gia đình nhà ngoại sinh sống và vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn và được phía anh Đ chấp thuận. Điều đó cho thấy anh chị đều xác định hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn để mang lại hạnh phúc. Vì vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào quy định của pháp

luật để giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết ly hôn giữa anh và chị để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh Đ có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014. Hiện cháu Thành đang ở với bố, chị T và anh Đ cùng có quan điểm để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thành và việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét quan điểm nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của các đương sự là hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ, thực tế giữa chị T và anh Đ hiện đang sống ly thân và con chung Nguyễn Minh T còn nhỏ đang ở với anh Đ. Để đảm bảo nguyện vọng chính đáng cũng như sự ổn định về mặt thực tế của các bên đương sự cũng như con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho anh Đ sau khi ly hôn sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T như hiện tại và để việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh chị tự thỏa thuận là phù hợp.

[3] *Về quan hệ tài sản*: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Minh Đ.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014; số định danh cá nhân 036214018844 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ và chị T tự thỏa thuận;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con;

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp đủ theo Biên lai số: 0002362 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự TPND, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Minh Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPND;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS TPND;
- UBND xã Mỹ L;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Chung – Trịnh Thị Lan

Nguyễn Văn Quang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPND;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS TPND;
- UBND xã Mỹ L;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang